TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07-5-2026
V/v ly hôn Vui –Nhân

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Tân

Bà Nguyễn Thuý Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực 12 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2026/TLST - HNGĐ ngày 22/01/2026 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Mai Thị V, sinh năm 1991.

Căn cước công dân số: 089191008304.

Trú tại: ấp M, xã P, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1985.

Căn cước công dân số: 089085019772.

Trú tại: ấp M, xã P, tỉnh An Giang.

(bà V xin vắng mặt và ông N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2025 nguyên đơn bà Mai Thị V trình bày:

Hôn nhân của bà V, ông N do tìm hiểu rồi thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang số 86, quyển số 01/2010 ngày 18/5/2010 (nay là UBND xã P). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh

mâu thuẫn, do ông N thường xuyên uống rượu, không quan tâm chăm sóc vợ con, tiền làm ra bao nhiêu cũng tiêu xài cá nhân, vợ chồng vì thế hay cải nhau, mỗi lần cải nhau ông N đánh bà V, sự việc kéo dài trong nhiều năm, vào tháng 04/2025 bà V có nộp đơn ly hôn tại Toà án hết một lần nhưng trong thời gian chờ Toà thụ lý thì bà V rút yêu cầu ly hôn để cho ông N cơ hội sữa đổi tính tình, vợ chồng sống vì con nhưng về sống không được bao lâu thì ông N lại không thay đổi thường xuyên nhậu sỉn say còn hâm doạ giết bà V, nếu bà nộp đơn ly hôn ra Toà, nay tình cảm đã không còn bà V cương quyết xin ly hôn, bà V đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ sống từ tháng 04/2025 đến nay. Vợ chồng ly thân.

Về con chung: Có hai người con chung tên Lê Văn T, sinh ngày 11/10/2006 và Lê Văn T1, sinh ngày 06/11/2017 các con chung hiện đang sống chung bà V, khi ly hôn bà V yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng cho con

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngoài ra không còn ý kiến yêu cầu nào khác. Ngày 12/3/2026 bà Mai Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Lê Văn N vắng mặt từ khi Toà án thụ lý nên không có lời trình bày

Tài liệu do Toà án thu thập được: Đại diện ban ấp M, xã P cho biết ông Lê Văn N, sinh năm 1985 có đăng ký thường trú tại ấp M, xã P, tỉnh An Giang, tuy nhiên hiện tại ông N không có mặt tại địa phương, về tình trạng hôn nhân giữa bà V, ông N mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không rõ.

Tại phiên tòa, kiểm sát *viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng và đề xuất như sau:*

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa. Nguyên đơn bà V đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Lê Văn N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án là chưa thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà V có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà V là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Mai Thị V đối với ông Lê Văn N. Khi ly hôn bà V yêu cầu tiếp tục nuôi hai con chung tên Lê Văn T, sinh ngày 11/10/2006 và Lê Văn T1, sinh ngày 06/11/2017 các con chung hiện đang sống chung bà V, không yêu cầu ông N cấp dưỡng cho con, ông N vắng mặt không ý kiến về con chung nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: bà Mai Thị V phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà V yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông N nên xác định quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp M, xã P, tỉnh An Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 12 theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: bà V có đơn xin xét xử vắng mặt, ông N vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.] Về nội dung giải quyết vụ án: bà V và ông N sau thời gian tìm hiểu về tình cảm, được sự chấp thuận của gia đình nên cả hai đi đến hôn nhân năm 2005 có tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh An Giang) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 86, quyển số 01 ngày 18 tháng 5 năm 2010 là hôn nhân hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Ông N, bà V chung sống vợ chồng nhưng thường xuyên cải nhau, không chí thú làm ăn, lại hay uống rượu, mỗi lần cải nhau ông N đánh bà V, mâu thuẫn kéo dài trong nhiều năm khoản tháng 4 năm 2025 bà V bỏ về nhà cha mẹ đẻ sinh sống ,vợ chồng ly thân cho đến nay, trong thời gian ly thân không ai qua lại hỏi thăm hay có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng, nay bà V xin ly hôn với ông Lê Văn N.

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau….*". Thế nhưng vợ chồng ông N, bà V không còn chung sống khoảng hơn 01 năm nay là khoảng thời gian dài. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất cho bà Mai Thị V được ly hôn ông Lê Văn N.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Văn T, sinh ngày 11/10/2006 (Văn Tình hiện đã trưởng thành và lao động được) và Lê Văn T1, sinh ngày 06/11/2017, bản tự khai ngày 12/3/2026 cháu T1 có nguyện vọng sống chung với

mẹ, khi ly hôn bà V yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, ông N vắng mặt không ý kiến về con chung, vì thế HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] bà V trình bày tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: bà Mai Thị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Đ a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị V.

Về hôn nhân: Cho bà Mai Thị V được ly hôn ông Lê Văn N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Văn T, sinh ngày 11/10/2006 (Văn Tình hiện đã trưởng thành và lao động được) và Lê Văn T1, sinh ngày 06/11/2017. Giao con chung Văn T2 cho bà Mai Thị V được tiếp tục nuôi dưỡng. Con chung đang sống chung bà V, ông N không phải cấp dưỡng cho con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Về án phí: bà Mai Thị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 300173 ngày 21/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Mai Thị V không phải nộp thêm án phí.

Ông Lê Văn N không phải chịu án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông N, bà V vắng mặt thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS nhân dân Khu Vực 12;
- UBND xã Phú Thọ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (nay là UBND xã Phú An, tỉnh An Giang);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Ngọc Thảo